

BIỂU SỐ 01 - PHÂN BỐ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NSĐP 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao, dự kiến giao	Điều chỉnh, bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025			Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025				
			Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Vốn chưa phân bổ	Vốn dự phòng chung (nguồn thu sử dụng đất)	Tổng số 5 năm 2021-2025	Vốn XD/CB tập trung	Vốn thu sử dụng đất	Bao gồm	
				Tổng số	Trong đó, vốn NSĐP								Nguồn tăng thu thường xuyên năm 2021	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021
A	B	D	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ			2,280,819.3	1,980,819.3	2,397,698.146	105,307.480	0.000	105,307.480	2,503,005.626	139,507.670	2,036,311.956	322,186.000	5,000.000
I	Cấp vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất tỉnh Hải Dương					522,186.000				522,186.000		200,000.000	322,186.000	
II	Vốn chưa phân bổ chi tiết			1,216,826.2	1,216,826.2	1,255,356.952	-38,530.800	-38,530.800		1,216,826.152		1,216,826.152		
1	Vốn phân bổ chi tiết sau theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh					33,061.952	-33,061.952	-33,061.952						
2	Các dự án khác dự vốn			1,216,826.2	1,216,826.2	1,222,295.000	-5,468.848	-5,468.848		1,216,826.152		1,216,826.152		
2.1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)	Thanh Miện	61/NQ-HĐND, 28/12/2021	1,208,415.0	1,208,415.0	1,212,295.000	-3,880.000	-3,880.000		1,208,415.000		1,208,415.000		
2.2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Sở Nông nghiệp và PTNT	TPHD	65/NQ-HĐND, 28/12/2021	8,411.2	8,411.2	10,000.000	-1,588.848	-1,588.848		8,411.152		8,411.152		
II	Dự án khởi công mới dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			1,063,993.1	763,993.1	620,155.194	143,838.280	38,530.800	105,307.480	763,993.474	139,507.670	619,485.804		5,000.000
1	Cải tạo, sửa chữa Khu nhà B Trường chính trị tỉnh Hải Dương	TPHD	44/NQ-HĐND, 08/12/2022	2,500.0	2,500.0	2,500.000				2,500.000				2,500.000
2	Cải tạo, sửa chữa hàng rào Nhà thiếu nhi tỉnh	TPHD	45/NQ-HĐND, 08/12/2022	2,500.0	2,500.0	2,500.000				2,500.000				2,500.000
3	Đầu tư xây dựng đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (1/2 tuyến bên trái từ ngã ba An Lĩnh đến ngã ba Đầu Rồng)	Chí Linh		564,050.0	564,050.0	437,000.000	127,050.000	38,530.800	88,519.200	564,050.000	73,390.667	490,659.333		
4	Đường vào Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	Chí Linh		279,000.0	79,000.0	66,117.003	12,883.330		12,883.330	79,000.333	66,117.003	12,883.330		
5	Xây dựng đường tránh đường tỉnh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	Tứ Kỳ		155,943.1	55,943.1	52,038.191	3,904.950		3,904.950	55,943.141		55,943.141		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 đã giao, dự kiến giao	Điều chỉnh, bổ sung tăng, giảm (-) kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025			Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025				
			Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Vốn chưa phân bổ	Vốn dự phòng chung (nguồn thu sử dụng đất)	Tổng số 5 năm 2021-2025	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu sử dụng đất	Bao gồm	
				Tổng số	Trong đó, vốn NSDP								Vốn tiết kiệm chi đầu tư năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023	
													Nguồn tăng thu thường xuyên năm 2021	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021
A	B	D	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8	9	10	11	12
6	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên	Thanh Miện		60,000.0	60,000.0	60,000.000				60,000.000		60,000.000		

BIỂU SỐ 02 - CHUYỂN NGUỒN NĂM 2022 SANG NĂM 2023 PHÂN BỐ CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh và chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển								
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Vốn kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022 (vốn XDCB tập trung)	Nguồn thu sử dụng đất		Vốn năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 bổ sung cho chi đầu tư phát triển				
								Vốn kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022	Vốn kế hoạch năm 2022	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	
		Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn tăng thu sử dụng đất	Nguồn tiền bảo vệ đất trồng lúa										
A	B	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ					780,102.566		383.209	179,646.197	378,843.218	195,994.942	20,235.000	5,000.000	
I	Theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh					180,029.406		383.209	179,646.197					
I.1	Đã giao					198,915.836	812.901	18,456.738	179,646.197					
I.2	Điều chỉnh giảm vốn					-18,886.430	-812.901	-18,073.529						
1	Hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương, huyện Thanh Hà					-812.901	-812.901							
2	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Hải Dương					-7,588.413		-7,588.413						
3	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm dữ liệu của tỉnh cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh					-10,485.116		-10,485.116						
II	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách bổ sung cho chi đầu tư phát triển chưa phân bổ chi tiết					600,073.160				378,843.218	195,994.942	20,235.000	5,000.000	
	<i>Trong đó, đã dự kiến phân bổ</i>													
II.1	Cấp bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất tỉnh Hải Dương					422,186.000				322,186.000	100,000.000			
II.2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					30,000.000					30,000.000			
II.3	Thực hiện đầu tư dự án					147,887.160				56,657.218	65,994.942	20,235.000	5,000.000	
1	Chống ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	2018-2022	4400, 27/10/2016; 3278, 24/8/2020; 4561, 24/11/2022	187,145.000	27,145.000	4,994.942					4,994.942			

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh và chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển							
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Bao gồm						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Vốn kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022 (vốn XDCB tập trung)	Nguồn thu sử dụng đất		Vốn năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 bổ sung cho chi đầu tư phát triển			
								Vốn kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022	Vốn kế hoạch năm 2022	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh			Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên
Vốn tăng thu thường xuyên	Vốn tăng thu sử dụng đất	Nguồn tiền bảo vệ đất trồng lúa											
A	B	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trường THPT Nhị Chiểu (địa điểm mới - giai đoạn 1)					4,500.000				4,500.000			
3	Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường UBND tỉnh					8,000.000					8,000.000		
4	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tầng 1 và sân đường nội bộ, tường rào thư viện tỉnh (Trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương)					3,000.000					3,000.000		
5	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khối điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	2023-2025	112; 18/01/2023	243,874.000	243,874.000	50,000.000					50,000.000		
6	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Dương					30,000.000				30,000.000			
7	Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại hóa ngành thuế					3,000.000				3,000.000			
8	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở cũ của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh để bố trí lại trụ sở làm việc của một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm trợ giúp pháp lý (Sở Tư pháp), Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hải Dương					10,000.000				10,000.000			
9	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện phổi Hải Dương - Hạng mục: Nhà điều trị bệnh nhân lao phổi AFB lao ngoài phổi và lao HIV (khoa hồi sức cấp cứu); Nhà hô hấp cấp cứu 2 tầng (khoa ung bướu)					9,157.218				9,157.218			
10	Xây dựng kênh dẫn, đường bờ kênh kết hợp đường dẫn cầu Sòi, xã An Thanh					14,735.000						14,735.000	
11	Cải tạo, nâng cấp công lấy nước, kênh tưới, khu đầu mối trạm bơm Chùa Khu					5,500.000						5,500.000	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Điều chỉnh và chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển								
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	<i>Bao gồm</i>							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Vốn kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022 (vốn XDCB tập trung)	Nguồn thu sử dụng đất		Vốn năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 bổ sung cho chi đầu tư phát triển				
								Vốn kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022	Vốn kế hoạch năm 2022	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh		Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11				
12	Cải tạo, sửa chữa Khu nhà B Trường chính trị tỉnh Hải Dương					2,500.000								2,500.000
13	Cải tạo, sửa chữa hàng rào Nhà thiếu nhi tỉnh					2,500.000								2,500.000

BIỂU SỐ 03 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn NSDP còn lại theo kế hoạch 5 năm 2021-2025	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2023										
				Số Quyết định; ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Bao gồm									
					Tổng số	Trong đó, vốn NSDP			Vốn kế hoạch năm 2023			Vốn tiết kiệm chi năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 phân bổ cho dự án đầu tư công						
									Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn thu sử dụng đất		Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022				
Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết	Vốn kế hoạch năm 2021	Vốn kế hoạch năm 2022	Nguồn tăng thu thường xuyên	Nguồn tăng thu sử dụng đất	Nguồn tiền bảo vệ đất trồng lúa	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên										
A	B	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG SỐ				1,479,469.4	1,409,469.4	1,531,431.4	1,507,080.513	240,992.800	447,985.147	38,000.000	383.209	179,646.197	378,843.218	195,994.942	20,235.000	5,000.000	
I	Cấp vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất tỉnh Hải Dương						422,186.0	422,186.000						322,186.000	100,000.000			
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023				397,810.0	397,810.0	107,586.0	50,000.000		50,000.000								
1	Đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn 1)	Thanh Miện	2022-2024	403; 28/01/2022	397,810.0	397,810.0	107,586.0	50,000.000		50,000.000								
III	Dự án khởi công mới năm 2023				1,081,659.4	1,011,659.4	1,001,659.4	430,530.000	89,398.000	283,132.000	8,000.000				50,000.000			
1	Đầu tư xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - Trường THPT Ninh Giang	Ninh Giang	2023-2024	3722; 30/12/2022	14,954.4	14,954.4	14,954.4	8,000.000			8,000.000							
2	Trường THPT Nhị Chiêu (địa điểm mới - giai đoạn 2)	Kinh Môn	2023-2025	3520; 22/12/2022	43,872.0	43,872.0	43,872.0	15,000.000		15,000.000								
3	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khối điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	TPHD	2023-2025	112; 18/01/2023	243,874.0	243,874.0	243,874.0	70,000.000	20,000.000						50,000.000			
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+600	Tứ Kỳ	2023-2025	278; 21/02/2023	257,770.0	257,770.0	257,770.0	140,530.000	69,398.000	71,132.000								
5	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Ninh Giang	Ninh Giang	2022-2023	3057; 15/5/2022	50,000.0	15,000.0	10,000.0	10,000.000		10,000.000								
6	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thị xã Kinh Môn	Kinh Môn	2022-2023	4328; 24/10/2022	50,000.0	15,000.0	10,000.0	10,000.000		10,000.000								
7	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	Thanh Hà	2023-2025	433; 17/3/2023	421,189.0	421,189.0	421,189.0	177,000.000		177,000.000								
IV	Phân bổ chi tiết sau							604,364.513	151,594.800	114,853.147	30,000.000	383.209	179,646.197	56,657.218	45,994.942	20,235.000	5,000.000	